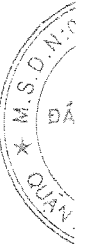


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ  
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trung Tri	Ủy viên
Ông Bùi Minh Chính	Ủy viên
Ông Trần Hữu Giang	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Bùi Minh Chính	Giám đốc
Ông Trần Hữu Giang	Phó Giám đốc
Ông Ngô Phan Hòa Bình	Phó Giám đốc
Ông Lê Lân	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2015)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

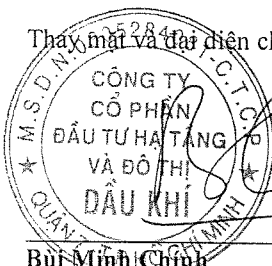
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Bùi Minh Chính**  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Số: *AB6* / VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và các Công ty con

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong năm 2012, Công ty đã hạch toán bù trừ công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC-SG”) và nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền 18.927.755.598 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vấn đề này vẫn chưa được đối chiếu và xử lý xong. Theo đó, ý kiến ngoại trừ cho khoản mục này vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 7, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu khác bao gồm một số khoản phải thu tiền phạt do chậm tiến độ từ các bên thi công công trình theo các điều khoản của hợp đồng với số tiền là 61.548.840.990 đồng vẫn chưa được các bên thi công xác nhận đến ngày lập báo cáo này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp bằng các thủ tục soát xét khác về các số liệu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lê Đình Lữ**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 28 tháng 8 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Tuấn Ngọc**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2110-2013-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>768.352.167.447</b>	<b>813.704.100.466</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>20.323.141.550</b>	<b>27.543.063.498</b>
1. Tiền	111		6.022.425.723	9.819.599.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.300.715.827	17.723.463.825
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>133.158.607.550</b>	<b>175.060.177.810</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	74.431.361.572	119.912.739.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.739.522.706	5.150.349.541
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	75.095.339.076	70.704.055.010
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(21.107.615.804)	(20.706.966.391)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>532.714.051.757</b>	<b>542.773.148.554</b>
1. Hàng tồn kho	141		534.504.162.346	542.773.148.554
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.790.110.589)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>82.156.366.590</b>	<b>68.327.710.604</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	17.251.491.190	9.933.296.732
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		51.384.691.271	45.067.759.506
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	13.520.184.129	13.326.654.366
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.180.620.775.642</b>	<b>1.158.645.610.057</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>286.964.926.047</b>	<b>261.457.381.233</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	187.381.903.968	169.448.618.086
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		2.810.294.338	2.810.294.338
3. Phải thu dài hạn khác	216	7	96.772.727.741	89.198.468.809
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>107.281.901.103</b>	<b>108.432.528.766</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	86.571.931.768	87.466.496.077
- Nguyên giá	222		101.673.678.769	100.438.229.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.101.747.001)	(12.971.733.623)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	20.709.969.335	20.966.032.689
- Nguyên giá	228		22.404.114.825	22.404.114.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.694.145.490)	(1.438.082.136)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>32.831.897.529</b>	<b>33.494.180.196</b>
- Nguyên giá	231		36.143.310.859	36.143.310.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.311.413.330)	(2.649.130.663)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>710.291.929.169</b>	<b>711.235.045.568</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	14	326.960.472.424	326.821.059.332
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	383.331.456.745	384.413.986.236
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.000.000.000	36.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.250.121.794</b>	<b>8.026.474.294</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	7.250.121.794	8.026.474.294
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.948.972.943.089</b>	<b>1.972.349.710.523</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>976.021.941.103</b>	<b>965.951.051.064</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>659.286.573.659</b>	<b>826.320.846.452</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	21.435.921.340	13.466.923.247
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	255.843.393.936	245.446.066.912
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	8.722.162.603	15.973.825.332
4. Phải trả người lao động	314		861.293.433	875.053.711
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	109.058.124.502	182.117.863.785
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	171.337.451.649	174.347.286.100
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	22	92.028.226.196	194.093.827.365
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>316.735.367.444</b>	<b>139.630.204.612</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	70.889.081.038	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23	14.616.924.899	14.808.035.809
3. Phải trả dài hạn khác	337	21	2.884.512.608	2.610.367.288
4. Vay và nợ dài hạn	338	24	228.344.848.899	122.211.801.515
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>972.951.001.986</b>	<b>1.006.398.659.459</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>972.951.001.986</b>	<b>1.006.398.659.459</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(7.866.485.920)	(7.866.485.920)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.458.924.626	23.458.924.626
4. Lỗ lũy kế	421		(177.470.528.410)	(144.467.932.570)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(144.467.932.570)	(147.245.753.081)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế kỳ này	421b		(33.002.595.839)	2.777.820.511
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	26	134.829.091.690	135.274.153.323
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.948.972.943.089</b>	<b>1.972.349.710.523</b>

Người lập biểu/ Kế toán trưởng  
Phạm Thúy Nga

Giám đốc  
Bùi Minh Chính  
Ngày 28 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

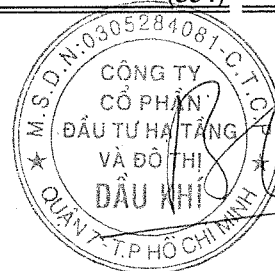
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		23.827.199.327	53.126.617.086
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.205.221	6.009.151.500
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>23.823.994.106</b>	<b>47.117.465.586</b>
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	29	23.678.875.204	46.512.861.726
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>145.118.902</b>	<b>604.603.860</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.249.338.423	1.642.537.113
7. Chi phí tài chính	22	31	20.840.685.830	25.181.021.906
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.840.685.830	25.164.271.956
8. Chi phí bán hàng	25		112.205.639	3.910.459.996
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	17.540.568.117	8.653.184.322
<b>10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(37.099.002.261)</b>	<b>(35.497.525.251)</b>
11. Thu nhập khác	31		6.951.152.069	30.570.987.514
12. Chi phí khác	32		3.299.807.280	9.611.476.068
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>33</b>	<b>3.651.344.789</b>	<b>20.959.511.446</b>
<b>14. Lỗ trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(33.447.657.472)</b>	<b>(14.538.013.805)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	-	-
<b>16. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>(33.447.657.472)</b>	<b>(14.538.013.805)</b>
16.1 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			(445.061.633)	(241.597.668)
16.2 Lợi ích của cổ đông công ty mẹ			(33.002.595.839)	(14.296.416.137)
<b>17. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>(334)</b>	<b>(145)</b>

Người lập biểu/ Kế toán trưởng  
Phạm Thúy Nga



Giám đốc  
Bùi Minh Chính  
Ngày 28 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

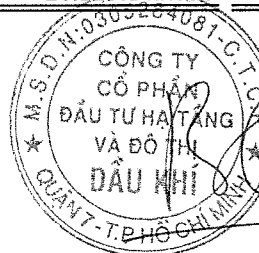
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 03a-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH</b>			
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(33.447.657.472)	(14.538.013.805)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.048.359.399	3.785.327.561
Các khoản dự phòng	03	2.190.760.002	(3.638.568.071)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.200.469.405)	(8.045.741.152)
Chi phí lãi vay	06	20.840.685.830	25.164.271.956
3. <i>(Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(8.568.321.646)	2.727.276.489
Giảm các khoản phải thu	09	12.329.393.250	25.631.992.949
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	8.129.573.116	(38.244.280.295)
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả	11	(12.424.943.687)	11.711.113.834
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(6.541.841.958)	4.947.173.793
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.631.884.379)	(2.519.073.618)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	274.145.320	694.280.752
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.924.555.563)	(1.504.635.797)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(12.358.435.547)	3.443.848.107
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(152.919.578)	(2.559.607.841)
2. Tiền thu thanh lý tài sản cố định	22	-	21.666.843.975
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	980.430.000
4. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.278.546.223	573.793.148
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	1.125.626.645	20.661.459.282
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	12.475.987.238	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.408.541.023)	(39.842.938.713)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(54.559.260)	(15.485.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	4.012.886.955	(39.858.423.713)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	(7.219.921.948)	(15.753.116.324)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.543.063.498	39.666.896.222
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	<b>20.323.141.550</b>	<b>23.913.779.898</b>

  
 Người lập biểu/ Kế toán trưởng  
 Phạm Thúy Nga



Giám đốc  
 Bùi Minh Chính  
 Ngày 28 tháng 8 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và ba công ty con, cụ thể như sau:

**Công ty mẹ**

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 95 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 102 người).

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty mẹ có một chi nhánh để quản lý bất động sản, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi nhánh được đặt tại cùng địa chỉ trên.

**Các công ty con**

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã góp 350.504.480.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 350.504.480.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200734936 cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại Số 67 Đường Mê Linh, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 315.425.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 196.150.000.000 đồng tương đương với 62,19% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 200.387.520.000 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con như sau:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản và dưới 12 tháng đối với các hoạt động kinh doanh khác.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

ANH H \*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, nhận ký quỹ, ký cược.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án với mục đích xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc tài sản dài hạn dựa trên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty và tiến độ thực hiện dự án. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Máy móc và thiết bị	7
Tài sản cố định khác	4

**Thuê tài sản**

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Handwritten signature*

250  
1  
0  
NH  
LC  
ET  
TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận theo số tiền thực góp theo thỏa thuận của hợp đồng. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	236.128.710	1.683.307.746
Tiền gửi ngân hàng	5.786.297.013	8.136.291.927
Các khoản tương đương tiền (i)	14.300.715.827	17.723.463.825
	<u><b>20.323.141.550</b></u>	<u><b>27.543.063.498</b></u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất là 5.2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 từ 4% đến 6,5%/năm).

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>74.431.361.572</b>	<b>119.912.739.650</b>
<i>Dự án chung cư Petroland Quận 2</i>	23.701.517.353	10.408.478.668
<i>Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng ("TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng")</i>	38.171.249.117	97.791.929.098
<i>Dự án chung cư Mỹ Phú Quận 7</i>	5.846.561.218	5.578.125.235
<i>Các đối tượng khác</i>	6.712.033.884	6.134.206.649
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>187.381.903.968</b>	<b>169.448.618.086</b>
<i>Dự án chung cư Petroland Quận 2</i>	33.360.807.395	63.394.700.300
<i>Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng</i>	154.021.096.573	105.857.485.969
<i>Các đối tượng khác</i>	-	196.431.817
<b>c. Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>5.709.534.564</b>	<b>5.709.534.564</b>
<i>Tổng Công ty Dầu Việt Nam</i>	4.991.026.528	4.991.026.528
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam</i>	718.508.036	718.508.036
	<u><b>261.813.265.540</b></u>	<u><b>289.361.357.736</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>75.095.339.076</b>	<b>70.704.055.010</b>
Phải thu tiền lãi phạt do chậm tiến độ, chậm thanh toán và thanh lý hợp đồng	67.479.220.788	64.411.633.111
- Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY	7.667.023.947	4.599.436.270
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí ("PVC - Metal") (*)	26.910.263.916	26.910.263.916
- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ("PVC - PT") (**)	5.371.985.341	5.371.985.341
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC - SG") (**)	27.529.947.584	27.529.947.584
Tạm ứng cho nhân viên	3.921.669.208	1.502.413.645
Ký gửi, ký cược ngắn hạn	505.300.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.189.149.080	4.790.008.254
<b>b) Dài hạn</b>	<b>96.772.727.741</b>	<b>89.198.468.809</b>
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn (***)	70.803.785.740	70.803.785.740
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	21.335.608.668	13.761.349.736
Các khoản phải thu dài hạn khác	4.633.333.333	4.633.333.333
	<b><u>171.868.066.817</u></b>	<b><u>159.902.523.819</u></b>

(\*) Khoản mục này bao gồm:

- Số tiền 14.766.633.703 đồng là khoản phải thu từ PVC - Metal do phạt chậm tiến độ tại dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng theo biên bản làm việc và phụ lục quyết toán hợp đồng ngày 04 tháng 6 năm 2014 về việc quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế của PVC - Metal.

- Số tiền 12.143.630.213 đồng là khoản phải thu từ PVC - Metal do phạt chậm tiến độ tại dự án chung cư Petroland Quận 2 được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng và chưa có quyết toán xác nhận.

(\*\*) Khoản phải thu từ PVC - PT và PVC - SG với số tiền lần lượt là 5.371.985.341 đồng và 27.529.947.584 đồng là khoản lãi phạt do chậm tiến độ được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng và chưa có quyết toán xác nhận.

(\*\*\*) Khoản ký quỹ Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh là khoản tiền của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (gọi tắt là "Petroland Nha Trang") nộp ứng trước tiền thuê đất để đảm bảo thực hiện dự án sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Số tiền này sẽ được trừ vào tiền thuê đất hàng năm theo Công văn số 2721/SKHĐT-HTĐT ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Petroland Nha Trang vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**8. NỢ XẤU**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY	27.818.196.227	10.013.213.414	27.818.196.227	10.013.213.414
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	3.402.140.670	2.114.298.205	3.402.140.670	2.114.298.205
Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY	611.009.573	313.349.193	611.009.573	313.349.193
Tạm ứng nhân viên	2.374.323.208	657.193.062	2.102.348.065	785.867.332

*Handwritten signature*

25/01/2015  
 DN  
 NH  
 LC  
 ET  
 TP



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	211.357.569	-	186.067.968	-
Công cụ, dụng cụ	84.311.801	-	46.435.801	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	419.198.532.370	-	418.804.206.618	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Dự án chung cư cao tầng Mỹ Phú (*)</i>	<i>411.695.661.051</i>	<i>-</i>	<i>411.904.476.281</i>	<i>-</i>
<i>Các công trình tư vấn quản lý dự án</i>	<i>7.502.871.319</i>	<i>-</i>	<i>6.899.730.337</i>	<i>-</i>
Hàng hóa	115.009.960.606	(1.790.110.589)	123.736.438.167	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Dự án chung cư Petroland Quận 2</i>	<i>7.808.925.948</i>	<i>(1.790.110.589)</i>	<i>16.535.403.509</i>	<i>-</i>
<i>Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng</i>	<i>107.201.034.658</i>	<i>-</i>	<i>107.201.034.658</i>	<i>-</i>
	<b>534.504.162.346</b>	<b>(1.790.110.589)</b>	<b>542.773.148.554</b>	<b>-</b>

(\*) Dự án chung cư cao tầng Mỹ Phú tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã chậm tiến độ bàn giao căn hộ với thời gian chậm bàn giao là 30 tháng tính từ ngày cuối cùng phải bàn giao theo thỏa thuận trong hợp đồng với các người mua. Nguyên nhân chậm bàn giao là do Nhà thầu thi công khó khăn về tài chính dẫn đến ngưng công trình giữa chừng. Công ty sẽ phạt nhà thầu vi phạm hợp đồng dẫn đến chậm bàn giao nhà cho khách hàng. Theo tiến độ thực hiện thì Petroland Mỹ Phú sẽ bắt đầu bàn giao căn hộ cho người mua từ quý 3 năm 2015.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Petroland Mỹ Phú đồng ý thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh một số tài sản để làm tài sản đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.251.491.190	9.933.296.732
- Chi phí lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	4.961.577.754	2.745.929.320
- Chiết khấu chưa phân bổ	6.592.699.326	6.592.699.326
- Chi phí tư vấn	4.451.354.557	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.245.859.553	594.668.086
b) Dài hạn	7.250.121.794	8.026.474.294
- Chi phí sửa chữa văn phòng	6.524.904.695	7.340.517.781
- Chi phí trả trước dài hạn khác	725.217.099	685.956.513
	<b>24.501.612.984</b>	<b>17.959.771.026</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TÁNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

MẪU B 09a-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	94.356.799.264	51.818.181	4.450.874.854	1.022.743.901	555.993.500	100.438.229.700
Tăng từ xây dựng cơ bản	1.235.449.069	-	-	-	-	1.235.449.069
Tại ngày 30/6/2015	95.592.248.333	51.818.181	4.450.874.854	1.022.743.901	555.993.500	101.673.678.769

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2015	7.548.631.348	33.928.566	4.260.833.505	864.181.536	264.158.668	12.971.733.623
Khấu hao trong kỳ	1.887.135.990	3.701.298	137.951.948	65.949.302	35.274.840	2.130.013.378
Tại ngày 30/6/2015	9.435.767.338	37.629.864	4.398.785.453	930.130.838	299.433.508	15.101.747.001

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 30/6/2015	86.156.480.995	14.188.317	52.089.401	92.613.063	256.559.992	86.571.931.768
Tại ngày 31/12/2014	86.808.167.916	17.889.615	190.041.349	158.562.365	291.834.832	87.466.496.077

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.269.084.203 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.269.084.203 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.




**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015			
và tại ngày 30/6/2015	<u>21.928.202.825</u>	<u>475.912.000</u>	<u>22.404.114.825</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	974.586.792	463.495.344	1.438.082.136
Khấu hao trong kỳ	243.646.698	12.416.656	256.063.354
Tại ngày 30/6/2015	<u>1.218.233.490</u>	<u>475.912.000</u>	<u>1.694.145.490</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	<u>20.709.969.335</u>	<u>-</u>	<u>20.709.969.335</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>20.953.616.033</u>	<u>12.416.656</u>	<u>20.966.032.689</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 379.720.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 298.498.000 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015			
và tại ngày 30/6/2015	<u>6.726.153.007</u>	<u>29.417.157.852</u>	<u>36.143.310.859</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	186.132.298	2.462.998.365	2.649.130.663
Trích khấu hao trong kỳ	11.013.584	651.269.083	662.282.667
Tại ngày 30/6/2015	<u>197.145.882</u>	<u>3.114.267.448</u>	<u>3.311.413.330</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	<u>6.529.007.125</u>	<u>26.302.890.404</u>	<u>32.831.897.529</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>6.540.020.709</u>	<u>26.954.159.487</u>	<u>33.494.180.196</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với mục đích thu lợi từ việc cho thuê mà không phải để sử dụng trong cung cấp hàng hóa dịch vụ hoặc sử dụng cho mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư là tòa nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành thuộc sở hữu Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**14. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí quyền sử dụng đất của dự án khu chung cư cao tầng và công trình công cộng tại Quận 9 (*)	326.960.472.424	326.821.059.332
	<u><b>326.960.472.424</b></u>	<u><b>326.821.059.332</b></u>

(\*) Chi phí quyền sử dụng đất của dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9 là số tiền mà Công ty mẹ trả cho Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh (gọi tắt là "Vũ Anh") theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-PETROLAND ký ngày 06 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục hợp đồng để thực hiện các chi phí đền bù giải tỏa và các chi phí khác để có được quyền sử dụng đất cho lô đất với diện tích 60.626,4 m<sup>2</sup> thuộc dự án khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng lô đất này của Công ty hiện đang chờ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Khoản tiền này cũng được ghi nhận là khoản vốn góp của Công ty vào Petroland Thăng Long, một công ty con.

Cũng theo hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng thì Vũ Anh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long thực hiện dự án với thời hạn cuối cùng là ngày 30 tháng 6 năm 2012 và Vũ Anh đồng thời chịu trách nhiệm đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích đất mà hai bên thống nhất hợp tác đầu tư. Công ty đã thanh toán cho Vũ Anh số tiền 345 tỷ đồng và sẽ thanh toán số tiền còn lại khoảng 49 tỷ đồng khi Vũ Anh cung cấp quyết định giao đất của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, bên Vũ Anh đã hoàn thành thủ tục chấp thuận đầu tư dự án chung cư cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 4593/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 9 năm 2014 nhưng vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Petroland Thăng Long sẽ được cấp quyết định giao đất để thực hiện dự án.

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu (*)	156.136.041.061	153.948.312.084
Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh (**)	227.195.415.684	230.465.674.152
	<u><b>383.331.456.745</b></u>	<u><b>384.413.986.236</b></u>

(\*) Dự án Khu đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu đặt tại Phường 10 và 11, Thành phố Vũng Tàu có tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 1.500 tỷ đồng bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thuế, lãi vay và các chi phí khác. Chi phí phát sinh đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là chi phí liên quan đến bồi thường và giải phóng mặt bằng.

(\*\*) Dự án sân golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh đặt tại thôn Vinh Bình, Cù Hin, Xã Cam Hòa, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa có tổng diện tích khoảng 171,9 ha. Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 2.047 tỷ đồng. Chi phí phát sinh đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là chi phí liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng, thiết kế dự án, tiền sử dụng đất và các chi phí khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là số tiền góp vốn hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng tại Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty theo hợp đồng là 30% (tương đương 48.825.000.000 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Giám đốc xác định không có các dấu hiệu cho thấy sự giảm giá của khoản đầu tư này. Vì vậy, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	4.789.994.471	4.789.994.471	4.789.994.471	4.789.994.471
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu Khí	6.649.676.824	6.649.676.824	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần ACC 245	2.632.566.762	2.632.566.762	-	-
Công ty Cổ phần Tân Trụ	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	4.214.652.350	4.214.652.350	4.214.652.350	4.214.652.350
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.149.030.933	1.149.030.933	462.276.426	462.276.426
<b>Cộng</b>	<b>21.435.921.340</b>	<b>21.435.921.340</b>	<b>13.466.923.247</b>	<b>13.466.923.247</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự án chung cư cao tầng Mỹ Phú	249.594.591.014	242.518.009.948
Dự án khác	6.248.802.922	2.928.056.964
	<b>255.843.393.936</b>	<b>245.446.066.912</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải thu/nộp trong kỳ	Số đã thực thu/nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND			VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.324.127.513	10.478.054	-	13.334.605.567
Thuế thu nhập cá nhân	2.526.853	204.911.318	21.859.609	185.578.562
	<b>13.326.654.366</b>	<b>215.389.372</b>	<b>21.859.609</b>	<b>13.520.184.129</b>
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	15.752.043.723	479.601.068	7.514.650.003	8.716.994.788
Thuế thu nhập cá nhân	221.781.609	198.060.383	414.674.177	5.167.815
	<b>15.973.825.332</b>	<b>677.661.451</b>	<b>7.929.324.180</b>	<b>8.722.162.603</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	109.058.124.502	182.117.863.785
Chi phí trích trước dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	10.469.609.911	16.969.316.115
Chi phí trích trước dự án Petroland Quận 2	30.278.224.537	30.854.153.483
Chi phí trích trước dự án Mỹ Phú	25.474.531.302	40.717.766.211
Chi phí lãi vay phải trả	40.523.566.508	92.132.330.355
Chi phí trích trước khác	2.312.192.244	1.444.297.621
b) Dài hạn	70.889.081.038	-
Chi phí lãi vay phải trả	70.889.081.038	-
	<b><u>179.947.205.540</u></b>	<b><u>182.117.863.785</u></b>

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	171.337.451.649	174.347.286.100
Tiền đặt cọc mua căn hộ	-	2.891.742.256
Phải trả Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY do thanh lý hợp đồng	4.599.436.270	4.599.436.270
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("PVC")	89.483.796.551	89.486.645.551
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10.850.000.327	10.850.000.327
Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh	9.611.627.197	9.611.627.197
Quỹ bảo trì dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	8.322.452.134	7.986.196.726
Quỹ bảo trì dự án Petroland Quận 2	9.069.940.561	8.379.484.284
Quỹ bảo trì dự án Mỹ Phú	2.015.875.751	-
Cổ tức phải trả	28.557.008.100	28.611.567.360
- Trong đó, cổ tức phải trả PVC	14.405.852.000	14.405.852.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.736.736.358	1.736.736.358
Tiền phạt chậm bàn giao dự án Petroland Quận 2	859.481.288	845.576.175
Doanh thu chưa thực hiện	382.221.820	344.208.184
Phải trả khác	5.848.875.293	9.004.065.412
b) Dài hạn	2.884.512.608	2.610.367.288
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.884.512.608	2.610.367.288
	<b><u>174.221.964.257</u></b>	<b><u>176.957.653.388</u></b>

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2015		Trong kỳ		31/12/2014	
	<u>VND</u>		<u>VND</u>		<u>VND</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	27.475.987.238	27.475.987.238	12.475.987.238	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	27.475.987.238	27.475.987.238	12.475.987.238	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	64.552.238.958	64.552.238.958	-	114.541.588.407	179.093.827.365	179.093.827.365
	<b><u>92.028.226.196</u></b>	<b><u>92.028.226.196</u></b>	<b><u>12.475.987.238</u></b>	<b><u>114.541.588.407</u></b>	<b><u>194.093.827.365</u></b>	<b><u>194.093.827.365</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 3463.14.101.1893410.TD với thời hạn vay vốn một năm và chịu lãi suất thả nổi được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo như sau:

- (i) quyền đòi nợ các khoản phải thu hình thành trong tương lai từ các Hợp đồng mua bán tại dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú theo hợp đồng thế chấp số 2177.14.101.1893410.TC ngày 25 tháng 11 năm 2014 với giá trị định giá là 178.052.000.000 đồng;
- (ii) quyền khai thác hai (02) sàn thương mại tầng 02 và 03 có diện tích 4.218 m<sup>2</sup> thuộc dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú theo hợp đồng thế chấp số 2176.14.101.1893410.TC ngày 25 tháng 11 năm 2014 với giá trị định giá là 21.090.000.000 đồng;
- (iii) quyền khai thác tám (08) căn Penthouse thuộc dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú theo hợp đồng thế chấp số 2175.14.101.1893410.TC ngày 25 tháng 11 năm 2014 được với giá trị định giá là 18.931.600.000 đồng;
- (iv) quyền khai thác sàn thương mại có diện tích 1.193,7 m<sup>2</sup> tại tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng theo hợp đồng thế chấp số 2167.14.101.1893410.TC ngày 25 tháng 11 năm 2014 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 40.941.847.172 đồng.

Nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("Baoviet Bank Hồ Chí Minh") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") đến hạn trả.

**23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện doanh thu nhận trước từ khách hàng theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 31/2014/HĐ-Petroland ngày 08 tháng 8 năm 2015. Thời hạn thuê từ ngày 04 tháng 8 năm 2014 đến ngày 15 tháng 12 năm 2058.

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/6/2015		Trong kỳ		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	292.897.087.857	292.897.087.857	-	8.408.541.023	301.305.628.880	301.305.628.880
<i>VietinBank Hồ Chí Minh</i>	<i>272.161.848.899</i>	<i>272.161.848.899</i>	-	<i>4.183.000.000</i>	<i>276.344.848.899</i>	<i>276.344.848.899</i>
<i>Baoviet Bank Hồ Chí Minh</i>	<i>20.735.238.958</i>	<i>20.735.238.958</i>	-	<i>4.225.541.023</i>	<i>24.960.779.981</i>	<i>24.960.779.981</i>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở thuyết minh số 22)	64.552.238.958	64.552.238.958	-	114.541.588.407	179.093.827.365	179.093.827.365
	<b>228.344.848.899</b>	<b>228.344.848.899</b>	-	<b>(106.133.047.384)</b>	<b>122.211.801.515</b>	<b>122.211.801.515</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản vay dài hạn được chi trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	64.552.238.958	179.093.827.365
Trong năm thứ hai	63.000.000.000	97.619.350.615
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	165.344.848.899	24.592.450.900
Sau năm năm	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	64.552.238.958	179.093.827.365
Số phải trả sau 12 tháng	<u>228.344.848.899</u>	<u>122.211.801.515</u>

Hợp đồng tín dụng ký với VietinBank Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01 Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản vay có số dư 272.161.848.899 đồng.

Theo văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 09.102035/2015-HĐTD-SDDBS07/NHCT900-Petroland ngày 05 tháng 01 năm 2015, khoản vay tại ngân hàng Vietinbank Hồ Chí Minh được điều chỉnh thời hạn trả nợ theo lịch sau:

Lịch thanh toán cũ		Lịch thanh toán mới	
Ngày đáo hạn	Số tiền	Ngày đáo hạn	Số tiền
05/01/2015	111.752.397.999	31/12/2015	43.817.000.000
08/5/2015	20.000.000.000	31/12/2016	63.000.000.000
08/8/2015	20.000.000.000	31/12/2017	122.000.000.000
08/11/2015	20.000.000.000	31/12/2018	34.000.000.000
08/02/2016	20.000.000.000	31/12/2019	9.344.848.899
08/5/2016	20.000.000.000		
08/8/2016	20.000.000.000		
08/11/2016	20.000.000.000		
03/02/2017	24.592.450.900		
			<u>272.161.848.899</u>

Khoản vay tại Baoviet Bank Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 0002/2011/HDDTD1/BVB03 và Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 19 tháng 3 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu (đến hạn và chưa đến hạn) thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng “Chung cư Petroland” tại Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 1003668.B.11.HĐCC.HCM ngày 30 tháng 12 năm 2011 và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 1003668.A.11.HĐCC.HCM ngày 30 tháng 12 năm 2011 và các phụ lục, văn bản có liên quan được ký kết giữa Công ty và Baoviet Bank Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản vay có số dư 20.735.238.958 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- Số lượng cổ phần được mua lại	1.134.920	1.134.920
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>1.134.920</i>	<i>1.134.920</i>
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	98.865.080	98.865.080
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>98.865.080</i>	<i>98.865.080</i>

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Tên cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ %	Số vốn góp tại	Số vốn góp tại
			ngày 30/6/2015 VND	ngày 31/12/2014 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	36.014.630	36,01	360.146.300.000	360.146.300.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	5.500	0,01	55.000.000	81.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.000.000	9,00	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.900.000	6,90	69.000.000.000	69.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	461.200	0,46	4.612.000.000	4.696.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	2.348.200	2,35	23.482.000.000	50.000.000.000
Các đối tượng khác	45.270.470	45,27	452.704.700.000	426.076.700.000
<b>Tổng</b>	<b><u>100.000.000</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>1.000.000.000.000</u></b>	<b><u>1.000.000.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU B 09a-DN/HN**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	11.729.462.313	11.729.462.313	(147.245.753.081)	868.346.685.625
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.777.820.511	2.777.820.511
Số dư tại ngày 31/12/2014 như được trình bày năm trước	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	11.729.462.313	11.729.462.313	(144.467.932.570)	871.124.506.136
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	11.729.462.313	(11.729.462.313)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	-	(144.467.932.570)	871.124.506.136
Nhận vốn góp	-	-	-	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	(33.002.595.839)	(33.002.595.839)
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	-	(177.470.528.409)	838.121.910.297

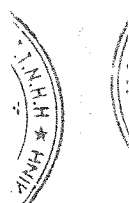
**26. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Vốn điều lệ/ Vốn thực góp VND	Vốn phân bổ cho Công ty mẹ VND	Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số VND	Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số %
Petroland Nha Trang	315.425.000.000	196.150.000.000	119.275.000.000	37,81%
Petroland Mỹ Phú	174.488.000.000	157.325.000.000	17.163.000.000	9,84%
Petroland Thăng Long	352.505.600.000	350.504.480.000	2.001.120.000	0,57%

*Mười*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÓ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bằng tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	Petroland Nha Trang VND	Petroland Mỹ Phú VND	Petroland Thăng Long VND	Petroland Thăng Long VND	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng tài sản	312.377.806.982	489.766.132.418	370.946.243.699	1.173.090.183.099	1.173.090.183.099	1.173.004.439.798
Tổng nợ phải trả	(5.885.370.451)	(318.577.495.215)	(23.127.261.560)	(347.590.127.226)	(347.590.127.226)	(345.779.866.883)
<b>Tài sản thuần</b>	<b>306.492.436.531</b>	<b>171.188.637.203</b>	<b>347.818.982.139</b>	<b>825.500.055.873</b>	<b>825.500.055.873</b>	<b>827.224.572.915</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>						
Vốn cổ phần	315.425.000.000	174.488.000.000	352.505.600.000	842.418.600.000	842.418.600.000	842.418.600.000
Lỗi lũy kế	(8.932.563.469)	(3.299.362.797)	(4.686.617.861)	(16.918.544.127)	(16.918.544.127)	(15.194.027.085)
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>				-	-	
<i>Chi tiết như sau:</i>						
Vốn điều lệ	119.275.000.000	17.163.000.000	2.001.120.000	138.439.120.000	138.439.120.000	138.439.120.000
Lỗi lũy kế	(3.268.670.612)	(324.532.137)	(16.825.561)	(3.610.028.310)	(3.610.028.310)	(3.164.966.677)
<b>Lỗi lũy kế</b>	<b>116.006.329.388</b>	<b>16.838.467.863</b>	<b>1.984.294.439</b>	<b>134.829.091.690</b>	<b>134.829.091.690</b>	<b>135.274.153.323</b>

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty như sau:

	Petroland Nha Trang VND	Petroland Mỹ Phú VND	Petroland Thăng Long VND	Tổng cộng VND
Lỗi trong kỳ	(1.096.524.046)	(289.758.704)	(338.234.291)	(1.724.517.041)
Lỗi của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	(414.640.265)	(28.501.264)	(1.920.104)	(445.061.633)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh bất động sản. Đồng thời, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở trong lãnh thổ Việt Nam.

**28. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23.827.199.327</b>	<b>53.126.617.086</b>
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	5.602.054.731	38.138.970.753
- Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	-	38.138.970.753
- Dự án chung cư Cao tầng Mỹ Phú	640.644.641	-
- Dự án chung cư Quận 2	4.961.410.090	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.225.144.596	14.987.646.333
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>3.205.221</b>	<b>6.009.151.500</b>
Chiết khấu bán hàng	3.205.221	-
Hàng bán bị trả lại	-	6.009.151.500
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23.823.994.106</b>	<b>47.117.465.586</b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản</b>	<b>11.122.593.662</b>	<b>31.270.787.533</b>
- Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	-	31.270.787.533
- Dự án chung cư Cao tầng Mỹ Phú	605.180.683	-
- Dự án chung cư Quận 2	10.517.412.979	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.556.281.542	15.242.074.193
<b>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23.678.875.204</b>	<b>46.512.861.726</b>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.200.469.405	1.196.887.113
Thu nhập từ bán chứng khoán PSG của PVC-SG	-	445.650.000
Doanh thu tài chính khác	48.869.018	-
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>1.249.338.423</b>	<b>1.642.537.113</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	20.840.685.830	25.164.271.956
Chi phí tài chính khác	-	16.749.950
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>20.840.685.830</b>	<b>25.181.021.906</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nhân viên	6.988.125.635	4.998.536.402
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.342.677.776	2.765.462.920
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	400.649.413	(1.202.348.071)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.482.755.001	1.136.265.112
Chi phí bằng tiền khác	2.326.360.292	955.267.959
	<b>17.540.568.117</b>	<b>8.653.184.322</b>

**33. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ chi hộ tiền điện nước cho bên thuê	3.275.748.484	2.540.476.215
Thu nhập từ phạt chậm thanh toán	3.364.851.842	667.895.632
Thu nhập từ phạt chậm thi công đã có đổi chiếu xác nhận	-	27.286.307.641
Thu nhập khác	310.551.743	76.308.026
<b>Tổng</b>	<b>6.951.152.069</b>	<b>30.570.987.514</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi hộ tiền điện nước cho bên thuê	3.082.052.186	2.530.382.828
Phạt chậm bàn giao căn hộ	24.119.466	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	-
Phạt thuế giá trị gia tăng	-	3.131.598.754
Phạt chậm thanh toán	-	3.415.565.705
Chi phí khác	193.635.628	533.928.781
<b>Tổng</b>	<b>3.299.807.280</b>	<b>9.611.476.068</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.651.344.789</b>	<b>20.959.511.446</b>

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Lỗ trước thuế</b>	<b>(33.447.657.472)</b>	<b>(14.538.013.805)</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	374.022.400	3.305.095.907
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(1.222.904.514)	-
<b>Lỗ tính thuế</b>	<b>(34.296.539.586)</b>	<b>(11.232.917.898)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty mẹ và Petroland Mỹ Phú có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%. Petroland Nha Trang và Petroland Thăng Long có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

*Xuân*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Ban Giám đốc xác nhận rằng khoản thuế đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 170.718.990.770 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 136.422.451.184 đồng) sẽ bù trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Lỗ tính thuế của Công ty được mang sang và sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Petroland	Petroland	Petroland	Công ty mẹ	Tổng cộng
	Mỹ Phú	Thăng Long	Nha Trang		
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
2016	-	1.240.655.131	-	-	1.240.655.131
2017	-	1.411.912.607	3.661.229.371	-	5.073.141.978
2018	778.654.814	689.598.524	2.868.536.309	124.627.211.326	128.964.000.973
2019	522.243.225	595.923.277	26.486.600	-	1.144.653.102
2020	289.758.704	338.234.291	1.096.524.046	32.946.044.687	34.670.561.728
	<u>1.590.656.743</u>	<u>4.276.323.830</u>	<u>7.652.776.326</u>	<u>157.573.256.013</u>	<u>171.093.012.912</u>

**35. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(33.002.595.839)	(14.296.416.137)
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu	98.865.080	98.865.080
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(334)</b>	<b>(145)</b>

**36. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp với số tiền 12.825.000.000 đồng.

Tại ngày 04 tháng 12 năm 2013, Petroland Mỹ Phú ký Hợp đồng số 07/2013/HĐ-DKMP liên quan đến "Xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống M&E của dự án Chung cư Cao tầng Mỹ Phú" với Công ty Cổ phần ACC245. Theo đó, tổng giá trị cam kết thanh toán theo hợp đồng này là 151.801.000.000 đồng.

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, lỗ lũy kế và lợi ích cổ đông không kiểm soát).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	320.373.075.095	316.305.628.880
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	20.323.141.550	27.543.063.498
Nợ thuần	300.049.933.545	288.762.565.382
Vốn chủ sở hữu	<u>838.121.910.296</u>	<u>871.124.506.136</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>35,80%</u></b>	<b><u>33,15%</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính và được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.323.141.550	27.543.063.498
Phải thu khách hàng và phải thu khác	337.342.138.274	356.250.715.779
Các khoản ký quỹ, ký cược	594.500.000	419.200.000
	<b><u>358.259.779.824</u></b>	<b><u>384.212.979.277</u></b>

**Công nợ tài chính**

Các khoản vay	320.373.075.095	316.305.628.880
Phải trả người bán và phải trả khác	154.206.743.913	149.246.806.606
Chi phí phải trả	179.947.205.540	182.117.863.785
Nhận ký quỹ, ký cược	2.884.512.608	2.610.367.288
	<b><u>657.411.537.156</u></b>	<b><u>650.280.666.559</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Độ nhạy lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 50 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ tăng/giảm 1.601.865.375 đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014: 6.408.914.909 đồng)

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác vì tiền được nhận trước dựa trên thời hạn thanh toán trên hợp đồng bán hàng. Các khoản phải thu khách hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán sẽ được thanh toán khi Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoàn thành giấy chứng nhận sở hữu.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

01/1  
CH  
C  
ÁCH  
DE  
VI  
/ /



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

30/6/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.323.141.550	-	20.323.141.550
Phải thu khách hàng và phải thu khác	123.991.292.305	213.350.845.969	337.342.138.274
Các khoản ký quỹ, ký cược	505.300.000	89.200.000	594.500.000
	<b>144.819.733.855</b>	<b>213.440.045.969</b>	<b>358.259.779.824</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	92.028.226.196	228.344.848.899	320.373.075.095
Phải trả người bán và phải trả khác	154.206.743.913	-	154.206.743.913
Chi phí phải trả	109.058.124.502	70.889.081.038	179.947.205.540
Nhận ký quỹ, ký cược	-	2.884.512.608	2.884.512.608
	<b>355.293.094.611</b>	<b>302.118.442.545</b>	<b>657.411.537.156</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(210.473.360.756)</b>	<b>(88.678.396.576)</b>	<b>(299.151.757.332)</b>
<b>31/12/2014</b>			
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.543.063.498	-	27.543.063.498
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.168.764.360	174.081.951.419	356.250.715.779
Các khoản ký quỹ, ký cược	330.000.000	89.200.000	419.200.000
	<b>210.041.827.858</b>	<b>174.171.151.419</b>	<b>384.212.979.277</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	194.093.827.365	122.211.801.515	316.305.628.880
Phải trả người bán và phải trả khác	149.246.806.606	-	149.246.806.606
Chi phí phải trả	182.117.863.785	-	182.117.863.785
Nhận ký quỹ, ký cược	-	2.610.367.288	2.610.367.288
	<b>525.458.497.756</b>	<b>124.822.168.803</b>	<b>650.280.666.559</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(315.416.669.898)</b>	<b>49.348.982.616</b>	<b>(266.067.687.282)</b>

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Công ty lập kế hoạch tăng cường thu hồi nợ phải thu của khách hàng, chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại một số dự án đầu tư như dự án nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp, dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Nha Trang, bàn giao các diện tích còn lại tại chung cư Petroland Quận 2 và Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng, xin điều chỉnh lãi suất ngân hàng để đảm bảo Công ty có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam  
 Tổng Công ty Dầu Việt Nam

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty cùng tập đoàn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU B 09a-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.261.820.740	4.205.394.245
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lương và thu nhập	714.837.271	587.763.630
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:		
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.991.026.528	4.991.026.528
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	718.508.036	718.508.036
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	103.889.648.551	103.920.304.551
<b>Lãi vay phải trả</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	30.243.548.061	34.835.016.522

**39. CÔNG NỢ TIỀM TANG**

Như trình bày ở Thuyết minh số 9 về hàng tồn kho, Dự án chung cư Mỹ Phú tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã chậm tiến độ bàn giao nhà với thời gian chậm bàn giao là 30 tháng tính từ ngày cuối cùng phải bàn giao theo thỏa thuận trong hợp đồng với người mua do việc thay đổi nhà thầu thi công. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú ("Petroland Mỹ Phú"), chủ đầu tư dự án có thể sẽ phải thanh toán tiền phạt chậm tiến độ bàn giao nhà. Tuy nhiên, Petroland Mỹ Phú không trích lập dự phòng tiền phạt nói trên vì tin tưởng rằng Petroland Mỹ Phú có thể thương thảo với người mua về việc điều chỉnh thời hạn giao nhà.

Theo Biên bản Hội nghị Khách hàng về việc Tái khởi động xây dựng chung cư cao tầng Mỹ Phú ngày 28 tháng 12 năm 2013, bốn bên tham gia cuộc họp bao gồm: chủ đầu tư dự án - Petroland Mỹ Phú, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà thầu xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống M&E - Công ty Cổ phần ACC245 và đại diện người mua căn hộ đã thống nhất việc thực hiện ký kết các hợp đồng quản lý tài khoản, bao gồm bốn bên: Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ đầu tư dự án - Petroland Mỹ Phú, người mua căn hộ và Nhà thầu - Công ty Cổ phần ACC245. Theo đó, người mua căn hộ sẽ thanh toán số tiền còn lại theo các điều khoản của hợp đồng mua căn hộ đã ký kết trước đây với chủ đầu tư và số tiền này sẽ được người mua căn hộ thanh toán trong vòng 5 đợt theo tiến độ thi công theo các điều khoản của hợp đồng quản lý tài khoản nói trên. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Petroland Mỹ Phú đã ký kết hợp đồng quản lý tài khoản với các khách hàng và đang tiếp tục thực hiện việc ký kết với tất cả người mua căn hộ.

*Khai*

11/01/2015

11/01/2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 18.208.801.451 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 22.645.198.358 đồng) là chi phí lãi vay còn phải trả cho ngân hàng và các bên cho vay. Tuy nhiên, tiền lãi vay trả trong kỳ đã bao gồm số tiền 1.337.387.088 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 140.684.330 đồng) là chi phí lãi vay của năm trước thanh toán trong kỳ này.

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa giá trị xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 1.235.449.069 đồng và ghi tăng giá trị tài sản cố định hữu hình. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên.

**41. THÔNG TIN KHÁC**

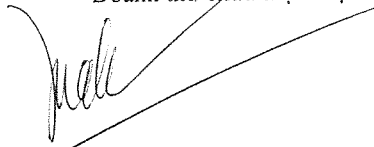
Căn cứ vào Nghị quyết số 953/NQ-XLTK ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí ("PVC") về việc chấp thuận chủ trương sẽ chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá chuyển nhượng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang thực hiện đàm phán với đơn vị tư vấn và đối tác nhận chuyển nhượng.

**42. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 5 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay:

Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Số điều chỉnh
Phải thu ngắn hạn khác	136	87.211.334.066	70.704.055.010	(16.507.279.056)
Phải thu dài hạn khác	216	75.437.119.073	89.198.468.809	13.761.349.736
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7.960.643.879	5.150.349.541	(2.810.294.338)
Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	2.810.294.338	2.810.294.338
Hàng tồn kho	141	869.594.207.886	542.773.148.554	(326.821.059.332)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	326.821.059.332	326.821.059.332
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7.187.367.412	9.933.296.732	2.745.929.320
Phải trả ngắn hạn khác	319	189.155.321.909	174.347.286.100	(14.808.035.809)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	14.808.035.809	14.808.035.809

  
Người lập biểu/ Kế toán trưởng  
Phạm Thúy Nga

  
Giám đốc  
Bùi Minh Chính

Ngày 28 tháng 8 năm 2015



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex  
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +84 4 6288 3568  
Fax: +84 4 6288 5678

**Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh**

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,  
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel : +84 8 3910 0751  
Fax: +84 8 3910 0750

[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

© 2015 Deloitte Việt Nam